



Mã nhận dạng 02937

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Phát triển du lịch nông thôn (208505)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	11221001	Huỳnh Rạng Đông		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11221002	Huỳnh Văn Diên		1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	11221003	Đặng Thanh Điều		1				8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11221004	Lê Hữu Đức		1				7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	11221005	Trần Thị Ai		1				9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11221006	Nguyễn Hoàng Anh		1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	11221007	Nguyễn Hoàng Anh		1				8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11221008	Nguyễn Văn Bảy		4				8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11221009	Nguyễn Văn Bền		1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	11221010	Nguyễn Thành Công		1				8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11221011	Đặng Hùng Cường		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11221012	Võ Thị Thùy Dương		1				9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11221013	Bùi Tấn Dương		1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	11221014	Phạm Xuân Dũng		1				9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11221015	Huỳnh Nguyễn Trọng Duy		1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	11221016	Nguyễn Tú Em		1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
17	11221017	Phan Trường Giang		1				8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11221018	Võ Thị Thanh Hằng		1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Phát triển du lịch nông thôn (208505)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
19	11221019	Nguyễn Thị Thu	Hương						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11221020	Mai Hồng	Hạnh	1				9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11221021	Nguyễn Ngọc	Hạnh	1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11221022	Lâm Trọng	Hiếu	1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11221023	Lê Phú	Huy	1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11221024	Phạm Thị Thanh	Huyền	1				8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11221025	Trần Nam	Kha	1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11221026	Nguyễn Đăng	Khoa	1				7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11221027	Huỳnh Thiệu	Lương	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11221028	Huỳnh Phi	Long	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11221029	Ngô Hoàng	Long	1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11221030	Huỳnh Hoàng	Minh	1				9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11221031	Lê Trọng	Nhân	1				8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11221032	Nguyễn Văn	Nhân	1				9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11221033	Đào Kim	Nhân	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11221034	Trần Thanh	Nuôi	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11221035	Nguyễn Hồng	Phước	1				7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11221036	Lương Ngọc	Phượng	1				9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02937

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Phát triển du lịch nông thôn (208505)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
37	11221037	Nguyễn Thanh Phú	<i>Phú</i>	1				8,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
38	11221038	Huỳnh Diễm Phúc	<i>Diễm</i>	1				8,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11221039	Nguyễn Thanh Phúc	<i>Phúc</i>	✓					● ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11221040	Lê Hoài Phong	<i>Phong</i>	1				7,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
41	11221041	Huỳnh Thanh Sang	<i>Sang</i>	1				8,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11221042	Phan Văn Sang	<i>Sang</i>	✓					● ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11221043	Trương Thanh Sang	<i>Sang</i>	1				8,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11221044	Nguyễn Nhất Sinh	<i>Sinh</i>	1				8,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11221045	Trần Bảo Tồn	<i>Tồn</i>	1				8,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
46	11221046	Lê Thành Tấn	<i>Tấn</i>	✓					● ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11221047	Lê Thị Anh Thư	<i>Thư</i>	1				8,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
48	11221048	Vô Thành Thuận	<i>Thuận</i>	1				9,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11221049	Vô Trường Thành	<i>Thành</i>	1				8,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11221050	Mai Văn Thảo	<i>Thảo</i>	1				8,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
51	11221051	Nguyễn Văn Thắng	<i>Thắng</i>	1				7,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
52	11221052	Phạm Thị Hồng Thắm	<i>Thắm</i>	1				9,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11221053	Huỳnh Minh Thắng	<i>Thắng</i>	1				7,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
54	11221054	Nguyễn Phú Thanh	<i>Thanh</i>	✓					● ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Phát triển du lịch nông thôn (208505)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
55	11221055	Hồ Văn Thượ		1				8,0	0012345678910	0123456789
56	11221056	Huỳnh Minh		1				8,0	0012345678910	0123456789
57	11221057	Lê Minh		1				9,0	0012345678910	0123456789
58	11221058	Mai Thanh		1				8,5	0012345678910	0123456789
59	11221059	Nguyễn Hải Minh		1				8,5	0012345678910	0123456789
60	11221060	Ôn Thanh		1				8,5	0012345678910	0123456789
61	11221061	Vô Thanh		1				8,5	0012345678910	0123456789
62	11221062	Phạm Văn		1				8,5	0012345678910	0123456789
63	11221063	Vô Minh		1				7,5	0012345678910	0123456789
64	11221064	Trần Minh		1				8,0	0012345678910	0123456789
65	11221065	Huỳnh Văn		1				7,5	0012345678910	0123456789
66	11221066	Đồng Văn		1				8,5	0012345678910	0123456789
67	11221067	Vô Anh		1				7,5	0012345678910	0123456789
68	11221068	Nguyễn Thanh		1				7,5	0012345678910	0123456789
69	11221069	Huỳnh Anh		1				8,0	0012345678910	0123456789
70	11221070	Nguyễn Văn		1				9,0	0012345678910	0123456789
71	11221071	Mai Thanh		1				8,0	0012345678910	0123456789
72	11221072	Nguyễn Anh		1				8,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Phát triển du lịch nông thôn (208505)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
73	11221073	Nguyễn Tấn Vũ							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 12

Hiện diện: 61

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2